

Bản án số: 28 /2025/HS-ST
Ngày 27 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lèo Văn Hưởng và bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Khánh Ly, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Sơn La tham gia phiên toà: Ông Bế Hoàng Dương và bà Bùi Thị Thuỷ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc M, sinh 22/8/1995; tại: phường P, tỉnh Hưng Yên. Nơi thường trú: Số nhà 21b, đường Bãi Sậy, phường P, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Đảng phái/ đoàn thể: Không. Con ông Phạm Văn Q, sinh 1965 và bà Phương Thị D, sinh 1967; có vợ: Đỗ Thị Kiều L, sinh năm 1999; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/6/2025 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

1. Chị Lò Thị Th, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản Tong Xét, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 5, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

3. Anh Cà Văn C, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản Hẹo, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

4. Anh Tòng Văn D, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản Hẹo, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

5. Anh Phạm Đức Thái H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 4 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La; vắng mặt..

6. Chị Quàng Thị L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản Bó Nguông, xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La; vắng mặt..

7. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 3, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La; vắng mặt..

8. Chị Lữ Thị Thúy K, sinh năm 1999. Địa chỉ: Bản Nghè, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La; vắng mặt..

9. Chị Cà Thị Đ, sinh năm 2004. Địa chỉ: Bản Ka Láp, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

10. Anh Tòng Văn C, sinh năm 2003. Địa chỉ: Bản Ka Láp, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

11. Chị Lò Thị D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Bản Tông, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

12. Chị Tòng Thị Hương L, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ 15, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

13. Chị Sầm Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 5 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần S Tiền có ngay. Địa chỉ: 128 Nguyễn Du, phường B, TP Vinh, tỉnh Nghệ An (phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An); người đại diện theo uỷ quyền ông Lèo Anh T, nhân viên Công ty; nơi cư trú: Bản Lun, xã C, tỉnh Sơn La (Giấy uỷ quyền số 179/2024/UQ-SVN); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay, địa chỉ trụ sở chính 128 Nguyễn Du, phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An mã số doanh nghiệp 2901807716; Quy trình thanh toán của Công ty, khách hàng phải thanh toán qua 02 hình thức: Bằng tiền mặt tại văn phòng các Chi nhánh của Công ty S Việt Nam (có phiếu thu) hoặc chuyển khoản tới số tài khoản 0071001119.... tại ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank) mang tên CONG TY TNHH S VIET NAM. Ngày 26/02/2024 Phạm Ngọc M được Hợp đồng thử việc, đến ngày 01/8/2024 Công ty Cổ phần S ký Hợp đồng lao động xác định thời hạn số 531/2024/HDLD với Phạm Ngọc M, theo đó vị trí việc làm: Giám đốc Chi nhánh Sơn La, nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ tư vấn khách hàng trong quá trình khách hàng có hợp đồng thuê xe, mua xe tại Công ty. Trong thời gian từ tháng 8/2024 đến tháng 9/2024, M đã liên hệ với khách hàng (đang có mối quan hệ hợp đồng với Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay) và đưa ra các thông tin gian dối, chiếm đoạt tiền của họ. Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay đã yêu cầu M cam kết khắc phục hậu quả nhưng không thực hiện nên có đơn tố giác tội phạm, giao nộp tài liệu chứng minh hành vi của Phạm Ngọc M.

Thực hiện điều tra Phạm Ngọc M khai nhận: Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên M đã sử dụng điện thoại gắn sim số 0335281311 và mạng Zalo liên hệ với 13 khách hàng gồm: chị Lò Thị Th, chị Nguyễn Thị H, anh Cà Văn C, anh Tòng Văn D, anh Phạm Đức Thái H, chị Quàng Thị L, chị Hoàng Thị H, chị Lữ Thị Thúy K, chị Cà Thị Đ, anh Tòng Văn C, chị Lò Thị D, chị Tòng Thị Hương L, chị Sầm Thị T và đưa ra các thông tin gian dối: **(1)** Đã thanh toán tiền trước cho khách hàng, yêu cầu khách hàng chuyển tiền lại; **(2)** Hệ thống tài khoản ngân hàng của Công ty bị lỗi, phải chuyển khoản vào tài khoản cá nhân Minh để không bị tính thanh toán muộn; **(3)** Đối với khách hàng chưa đủ tiền để nộp, Minh yêu cầu khách hàng chuyển tiền cho M và Minh sẽ nộp bù vào phần tiền còn thiếu; **(4)** Công ty yêu cầu làm lại hợp đồng, cần phải thanh toán tiền mặt dù chưa đến hạn thanh toán; **(5)** Không hướng dẫn hình thức thanh toán cho khách hàng; **(6)** Khách hàng đang nộp chậm tiền cho Công ty, nếu thanh toán tiền cho M thì sẽ không bị tính tiền nộp muộn; **(7)** Công ty sắp nghỉ lễ, chuyển tiền cho M để Minh nộp giúp; **(8)** Khách hàng cần chuyển thêm tiền để được giải ngân khoản vay. Trước khi bị tố giác có 13 khách hàng tin tưởng các thông tin gian dối là sự thật nên đã thực hiện đưa tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản tại Ngân hàng BIDV số 4110974854 mang tên Phạm Ngọc M tổng cộng số tiền là 54.729.000 đồng, M không chuyển về tài khoản của công ty mà sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Cụ thể:

1. Từ ngày 05/9/2024 đến ngày 13/9/2024, chị Lò Thị Th đã đưa cho M tổng số tiền 8.297.000 đồng.
2. Ngày 05/9/2024, chị Nguyễn Thị H đã chuyển khoản số tiền 2.540.000 đồng đến tài khoản của Phạm Ngọc M.
3. Ngày 08/9/2024, anh Cà Văn C đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng đến tài khoản của Phạm Ngọc M.
4. Ngày 07/8/2024 Tòng Văn D đã chuyển khoản số tiền 1.550.000 đồng đến tài khoản của M.
5. Ngày 05/9/2024 anh Phạm Đức Thái H đã chuyển khoản số tiền 2.386.000 đồng đến tài khoản của Phạm Ngọc M.
6. Khoảng cuối tháng 8 đến tháng 9/2024, chị Quàng Thị L đã đưa cho M tổng số tiền 2.267.000 đồng.
7. Ngày 07/9/2024 chị Hoàng Thị H đã chuyển số tiền 1.500.000 đồng đến tài khoản của M.
8. Ngày 17/9/2024 chị Lữ Thị Thúy Kiều đã chuyển khoản số tiền 2.763.000 đồng đến tài khoản của Phạm Ngọc M.
9. Ngày 31/8/2024 chị Cà Thị Đ đã chuyển khoản số tiền 1.800.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của M.
10. Ngày 20/8/2024 anh Tòng Văn C đã chuyển khoản số tiền 12.000.000 đồng và từ ngày 08/9/2024 đến ngày 12/9/2024, chuyển khoản thêm số tiền 9.932.000 đồng đến tài khoản của Phạm Ngọc M. Tổng số tiền M nhận của anh C là 21.932.000 đồng.

11. Các ngày 05/9/2024 và 10/9/2024 chị Lò Thị D đã chuyển cho M 02 lần tổng số tiền 1.958.000 đồng.

12. Ngày 12/9/2024, chị Tòng Thị Hương L đã chuyển tổng số tiền 4.636.000 đồng đến tài khoản của Phạm Ngọc M.

13. Ngày 29/8/2024 chị Sâm Thị T đã đưa cho M số tiền 2.100.000 đồng.

Điều tra xác minh đối với chị Lò Thị Th, chị Nguyễn Thị H, anh Cà Văn C, anh Tòng Văn D, anh Phạm Đức Thái H, chị Quàng Thị L, chị Hoàng Thị H, chị Lữ Thị Thúy K, chị Cà Thị Đ, anh Tòng Văn C, chị Lò Thị D, chị Tòng Thị Hương L và chị Sâm Thị T; đều cung cấp tài liệu lưu giữ qua dữ liệu trong điện thoại di động và khai nhận: do được Minh hướng dẫn làm hồ sơ và biết M là nhân viên của công ty nên đã tin tưởng những thông tin không đúng sự thật để đưa tiền cho M và bị chiếm đoạt đề nghị điều tra làm rõ buộc M phải bồi hoàn số tiền chiếm đoạt.

Ngày 20/5/2025, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, cung cấp sao kê tài khoản tại Ngân hàng BIDV số 4110974854 mang tên Phạm Ngọc M có lịch sử giao dịch phù hợp với số tiền và thời gian M chiếm đoạt, số tiền hiện tại trong tài khoản là 702 đồng.

Tiền hành thu giữ đối với điện thoại di động gắn sim số 0335281311 của Phạm Ngọc M nhưng M xác định đã mất nên không thu giữ được.

Ngày 14/8/2025, Phạm Ngọc M tự nguyện nộp số tiền 11.000.000 đồng, chuyển đến tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La để bồi thường khắc phục hậu quả. Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay đã đồng ý thực hiện tất toán và thanh lý toàn bộ hợp đồng với chị Tòng Thị Hương L, anh Phạm Đức Thái H và anh Tòng Văn C nên Công ty yêu cầu M phải hoàn trả số tiền đã tất toán; Minh đã hoàn số tiền 2.386.000 đồng của anh Phạm Đức Thái H cho công ty.

Bản cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 11/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Phạm Ngọc M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình là do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi lừa đảo, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; 38; điểm g khoản 1 Điều 52; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc M từ 24 đến 30 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: chấp nhận Phạm Ngọc M đã bồi thường cho các bị hại số tiền 11.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp cho các bị hại. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Phạm Ngọc M tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, yêu cầu ghi nhận về bồi thường thiệt hại.

Các bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, 01 bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt gồm: chị Lò Thị Th số tiền 8.297.000 đồng; chị Nguyễn Thị H số tiền 2.540.000 đồng; anh Cà Văn C số tiền 1.000.000 đồng; anh Tòng Văn D số tiền 1.550.000 đồng; chị Quàng Thị L số tiền 2.267.000 đồng; chị Hoàng Thị H số tiền 1.500.000 đồng; chị Lữ Thị Thuý Kiều số tiền 2.763.000 đồng; chị Cà Thị Đ số tiền 1.800.000 đồng; chị Lò Thị D số tiền 1.958.000 đồng; chị Sầm Thị T số tiền 2.100.000 đồng. Riêng anh Tòng Văn C đã đưa cho M tổng số tiền là 21.932.000 đồng, đã được công ty tất toán đối trừ số tiền 20.354.000 đồng, còn lại là 1.578.000 đồng anh Cường yêu cầu Minh bồi thường; các bị hại cũng không yêu cầu gì thêm.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần S Tiền có ngay, ông Lèo Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, yêu cầu Phạm Ngọc M phải hoàn trả công ty số tiền đã tất toán cho chị Tòng Thị Hương L là 4.636.000 đồng và anh Tòng Văn C là 20.354.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đối đáp tranh luận đều giữ nguyên ý kiến tranh luận, không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Dương sự các bị hại, người đại diện Công ty Cổ phần S Tiền có ngay, có đơn đề nghị xử vắng mặt; xét thấy lời khai trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, lời khai bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Ngày 26/02/2024 Phạm Ngọc M nhận được Hợp đồng thuê việc, đến ngày 01/8/2024 Công ty Cổ phần S ký Hợp đồng lao động xác định thời hạn với Phạm Ngọc M, theo đó vị trí việc làm: Giám đốc Chi nhánh Sơn La, nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ tư

vấn khách hàng trong quá trình khách hàng có hợp đồng thuê xe, mua xe tại Công ty. Trong thời gian từ tháng 8/2024 đến tháng 9/2024, Minh đã sử dụng điện thoại gắn sim số 0335281311 và mạng Zalo liên hệ với khách hàng, gồm: chị Lò Thị Th, chị Nguyễn Thị H, anh Cà Văn C, anh Tòng Văn D, anh Phạm Đức Thái H, chị Quàng Thị L, chị Hoàng Thị H, chị Lữ Thị Thúy K, chị Cà Thị Đ, anh Tòng Văn C, chị Lò Thị D, chị Tòng Thị Hương L, chị Sầm Thị T và đưa ra các thông tin gian dối: **(1)** Đã thanh toán tiền trước cho khách hàng, yêu cầu khách hàng chuyển tiền lại; **(2)** Hệ thống tài khoản ngân hàng của Công ty bị lỗi, phải chuyển khoản vào tài khoản cá nhân Minh để không bị tính thanh toán muộn; **(3)** Đối với khách hàng chưa đủ tiền để nộp, Minh yêu cầu khách hàng chuyển tiền cho M và Minh sẽ nộp bù vào phần tiền còn thiếu; **(4)** Công ty yêu cầu làm lại hợp đồng, cần phải thanh toán tiền mặt dù chưa đến hạn thanh toán; **(5)** Không hướng dẫn hình thức thanh toán cho khách hàng; **(6)** Khách hàng đang nộp chậm tiền cho Công ty, nếu thanh toán tiền cho M thì sẽ không bị tính tiền nộp muộn; **(7)** Công ty sắp nghỉ lễ, chuyển tiền cho M để Minh nộp giúp; **(8)** Khách hàng cần chuyển thêm tiền để được giải ngân khoản vay. Sau khi liên hệ thông tin có 13 khách hàng tin tưởng và thực hiện đưa tiền mặt, chuyển khoản vào tài khoản tại Ngân hàng BIDV số 4110974854 mang tên Phạm Ngọc M tổng cộng số tiền là 54.729.000 đồng, Minh chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, bị cáo Phạm Ngọc M là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối, trái pháp luật chiếm đoạt số tiền 54.729.000 đồng là hành vi xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Ngọc M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo nhận thức được quy định của pháp luật, thấy trước được hậu quả nhưng lại không chuyên tâm, tận tụy với nhiệm vụ, lao động làm ăn lương thiện để phát triển kinh tế gia đình mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ham chơi, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác; với mục đích có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã cố ý trực tiếp dùng thủ đoạn gian dối, tạo lòng tin để chiếm đoạt tài sản. Tội phạm bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu nhiều lần, làm thiệt hại về tài sản của nhiều người (13 người) dân lao động mà làm ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương, đặc biệt trong môi trường số (việc bị cáo sử dụng điện thoại, mạng Zalo đưa ra thông tin và chiếm đoạt tài sản làm cho người dân thật sự lo lắng) nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp

dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ.

[5] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 06 lần mỗi lần với số tiền trên 2.000.000 đồng nhưng không có cơ sở xác định chiếm đoạt để làm nguồn thu nhập hoặc nguồn sống chính nên bị cáo không phạm tính tiết “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” mà đã phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt); bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại (nộp số tiền 11.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án và hoàn trả số tiền 2.386.000 đồng cho công ty (số tiền của anh Phạm Đức Thái H). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. 01 bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự hay phản ánh xấu của chính quyền địa phương về chấp hành chủ trương của Đảng, quy định ở nơi cư trú.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích và nhận định trên, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[8] Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị, không sử dụng công việc trong khi chiếm đoạt tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về biện pháp ngăn chặn: không có căn cứ cho thấy bị cáo trốn hoặc tiếp tục phạm tội do vậy áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú là phù hợp.

[10] Vật chứng: 01 điện thoại di động gắn sim số 0335281311 của Phạm Ngọc M nhưng Minh xác định đã hư hỏng và mất, không thu giữ được nên không có cơ sở xử lý theo vụ án.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Ngọc M đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại, lỗi thuộc về bị cáo nên bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu phải bồi thường thiệt hại là có cơ sở chấp nhận toàn bộ; căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; buộc Phạm Ngọc M phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Lò Thị Th số tiền 8.297.000 đồng; chị Nguyễn Thị H số tiền 2.540.000 đồng; anh Cà Văn C số tiền 1.000.000 đồng; anh Tòng Văn D số tiền 1.550.000 đồng; chị Quảng Thị L số tiền 2.267.000 đồng; chị Hoàng Thị H số tiền 1.500.000 đồng; chị Lữ Thị Thuý Kiều số tiền 2.763.000 đồng; chị Cà Thị Đ số tiền 1.800.000 đồng; chị Lò Thị D số tiền 1.958.000 đồng; chị Sầm Thị T số tiền 2.100.000 đồng; anh Tòng Văn C số tiền 1.578.000 đồng

và Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay, số tiền 27.376.000 đồng. Ghi nhận Phạm Ngọc M đã bồi hoàn số tiền 2.386.000 đồng (của anh Phạm Đức Thái H) cho công ty và nộp số tiền bồi thường là 11.000.000 đồng, còn phải nộp bồi thường, bồi hoàn tiếp là 41.343.000 đồng.

[12] Về án phí: không có căn cứ miễn, giảm nộp tiền án phí nên buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc M 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; buộc Phạm Ngọc M phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Chị Lò Thị Th số tiền 8.297.000 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng);

Chị Nguyễn Thị H số tiền 2.540.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng);

Anh Cà Văn C số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng);

Anh Tòng Văn D số tiền 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng);

Chị Quàng Thị L số tiền 2.267.000 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng);

Chị Hoàng Thị H số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng);

Chị Lữ Thị Thuý Kiều số tiền 2.763.000 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng);

Chị Cà Thị Đ số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng);

Chị Lò Thị D số tiền 1.958.000 đồng Một triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng);

Chị Sầm Thị T số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng);

Anh Tòng Văn C số tiền 1.578.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng);

Công ty Cổ phần S Tiền có ngay, số tiền 24.990.000 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng cộng Phạm Ngọc M phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 54.729.000 đồng. Ghi nhận Phạm Ngọc M đã bồi hoàn số tiền 2.386.000 đồng cho Công ty SAWAD Tiền Có Ngay và nộp số tiền bồi thường là 11.000.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La, còn phải nộp bồi thường, bồi hoàn tiếp số tiền là 41.343.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc Phạm Ngọc M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 2.067.000 đồng (Hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2025); Bị **hại**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **vắng mặt** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 1- Sơn La;
- CA tỉnh Sơn La (Phòng Hồ sơ, CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà